

## Hệ Thống Tài Liệu Đa Năng, Tiên Phong Cho Năng Suất Vượt Trội

### Hiệu suất cao

- Nhiều tùy chọn hoàn thiện đa dạng, bao gồm hoàn thiện đóng gáy sách, đóng ghim thủ công và đóng ghim không cần kim bấm.
- Phù hợp với các kích thước giấy tiêu chuẩn lên đến SRA3/A3 rộng (13" x 19"), các kích thước tùy chỉnh lên đến 330 x 488 mm (13" x 19,2") và độ dày giấy lên đến 300 g/m<sup>2</sup>.
- Có thể thay hộp mực hết mà không làm gián đoạn công việc sao chép/in ấn.
- Có thể nạp phong bì qua khay giấy tiêu chuẩn.
- DSPF 300 tờ quét tài liệu ở tốc độ 240 opm<sup>\*1</sup> (hai mặt).
- DSPF xử lý giấy dày tới 220 g/m<sup>2</sup>.
- Bộ nạp danh thiếp trên DSPF quét một lần lên đến 150 danh thiếp và cho phép bạn tạo cơ sở dữ liệu danh thiếp qua OCR.
- Sao chép danh thiếp vào một tờ - 1, 2 hoặc 8 danh thiếp trên một tờ.
- Embedded Fiery® Server (tùy chọn) để quản lý môi trường in ấn với nhu cầu cao.
- Chức năng Print Release cho phép in từ bất kỳ MFP nào được kết nối mạng tương thích<sup>\*2</sup>
- In trực tiếp các tệp Microsoft Office (docx, xlsx, pptx)<sup>\*3</sup>.

### Đặc biệt tiện dụng

- DSPF tạm dừng hoạt động khi phát hiện có nhiều tờ bị lệch hoặc nhiều tờ được đưa vào.
- DSPF báo hiệu tài liệu đã sẵn sàng để quét và nhắc nhở người dùng lấy tài liệu sau khi quét.
- Màn hình cảm ơn màu LCD 10.1 inch có thể điều chỉnh góc độ linh hoạt kết giao diện đơn giản, thân thiện với người dùng.
- Biểu tượng người dùng chuyên dụng cho phép đăng nhập nhanh vào màn hình hoạt động được cá nhân hóa.

### Chất lượng hình ảnh tuyệt vời

- Độ phân giải khi in: 1.200 x 1.200 dpi
- Tự động thực hiện cài đặt scan theo loại tài liệu – cho kết quả scan tối ưu.

### Chất lượng hình ảnh tuyệt vời

- Cổng Ethernet thứ cấp để hỗ trợ mạng bổ sung<sup>\*4</sup>.
- Ứng dụng in/scan Sharpdesk Mobile<sup>\*5</sup> cho phép lưu tài liệu đã quét vào thiết bị di động hoặc in các tệp trên thiết bị đó.
- Hỗ trợ nhiều dịch vụ in di động.
- Cổng ứng dụng<sup>\*6</sup> cung cấp các ứng dụng để tải xuống và cài đặt vào MFP.
- Dễ dàng truy cập vào các dịch vụ đám mây công cộng thông qua đăng nhập một lần (tùy chọn).
- Gửi dữ liệu đã quét qua Gmail™ hoặc Microsoft Exchange<sup>\*7</sup>/Tài khoản trực tuyến.
- Sharp OSA (Kiến trúc hệ thống mở) cho phép tích hợp với các ứng dụng mạng và đám mây (tùy chọn).
- Bảo vệ hệ thống/dữ liệu nâng cao và kiểm soát truy cập, bao gồm tự phục hồi chương trình cơ sở và danh sách trắng.

<sup>\*1</sup>: Bản gốc mỗi phút; khi nạp giấy khổ A4 (8 1/2" x 11"). <sup>\*2</sup>: Liên hệ với đại diện của Sharp để biết thông tin chi tiết về số lượng tối đa được khuyến nghị mà MFP có thể kết nối. <sup>\*3</sup>: Chức năng này được kích hoạt thông qua công nghệ Qualcomm® DirectOffice™. <sup>\*4</sup>: Yêu cầu bộ điều hợp Ethernet có bán trên thị trường hỗ trợ hai đường truyền. <sup>\*5</sup>: Tính khả dụng thay đổi tùy theo quốc gia/khu vực. <sup>\*6</sup>: Liên hệ với đại diện khách hàng của Sharp để biết thông tin chi tiết. <sup>\*7</sup>: Exchange Server 2010/2013/2016/2019, Exchange Online.



Trợ thủ đắc lực trong công việc

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

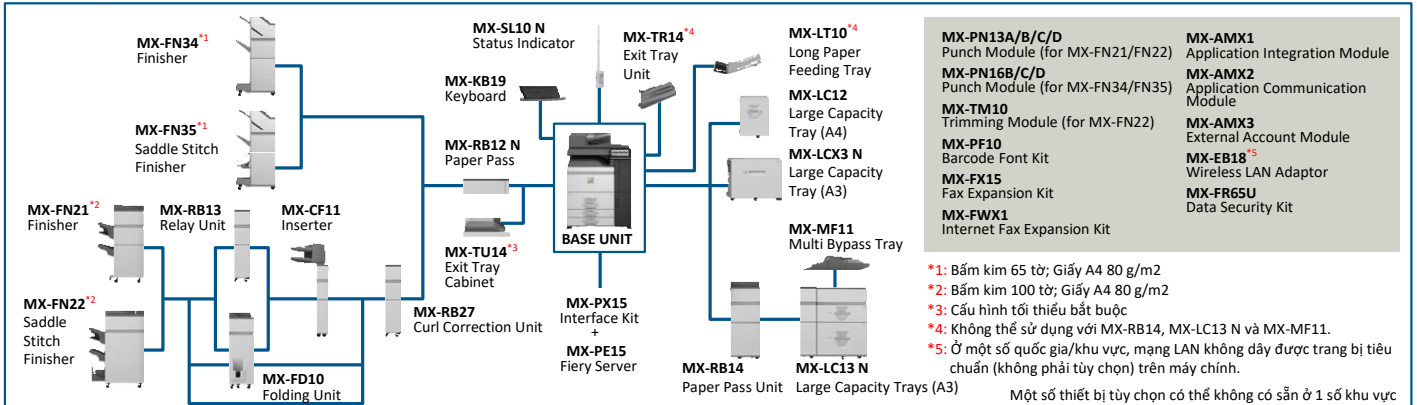
Thông số chung	
<b>Loại</b>	Máy in đa chức năng dòng bán công nghiệp
<b>Tốc độ in</b>	A4 (8 1/2" x 11") <sup>*1</sup> : Màu - Tối đa 70 ppm Trắng đen - Tối đa 75 ppm A3 (11" x 17") <sup>*</sup> : Tối đa 37/34ppm, SRA3: Tối đa 35/33ppm
<b>Bảng điều khiển</b>	Màn hình LCD màu cảm ứng 10.0-inch
<b>Khổ giấy</b>	Tối đa SRA3/A3W (13" x 19"), tối thiểu A5 (5 1/2" x 8 1/2") <sup>*2</sup>
<b>Dung lượng giấy (80g/m<sup>2</sup>)</b>	Tiêu chuẩn: 3,100 tờ (Khay 1,200 tờ, khay 800 tờ, 2 khay x 500 tờ và khay tay 100) Tối đa: 8,500 tờ (3000 tờ & thêm 2 khay x 2,500 tờ và khay tay 500 tờ)
<b>Định lượng giấy</b>	Khay 1&2: 60 đến 105 g/m <sup>2</sup> (16 lbs bond đến 28 lbs bond) Khay 3&4: 60 đến 300g/m <sup>2</sup> (16 lbs bond đến 110 lbs cover) Khay tay: [Tiêu chuẩn] 55 đến 300g/m <sup>2</sup> (13 lbs bond đến 110 lbs cover) [MX-MF11] 55 đến 220 g/m <sup>2</sup> (13 lbs bond đến 80 lbs cover) Khay chứa lớn: [MX-LC12/LCX3 N] 60 đến 220g/m <sup>2</sup> (16 lbs bond đến 80 lbs cover) [MX-LC13 N] 55 đến 300 g/m <sup>2</sup> (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
<b>Thời gian khởi động<sup>*3</sup></b>	55 giây <sup>*4</sup>
<b>Bộ nhớ</b>	6GB (copy/print shared) 1 TB HDD <sup>*5</sup>
<b>Nguồn điện</b>	AC voltage ±10%, 50/60 Hz
<b>Công suất tiêu thụ</b>	Tối đa 3.84 kW
<b>Kích thước (W x D x H)<sup>*6</sup></b>	845 x 844 x 1,249 mm
<b>Trọng lượng (xấp xỉ)</b>	209 kg (460.8 lbs)

Copy	
<b>Khổ giấy</b>	Tối đa A3 (11" x 17")
<b>Thời gian sao chép lần đầu<sup>*7</sup></b>	Màu: 5.1/5.6 giây Trắng đen: 3.7/4.0 giây
<b>Sao chép liên tục</b>	Tối đa 9,999 bản
<b>Độ phân giải</b>	Scan (màu): 600 x 600 dpi Scan (trắng đen): 600 x 600 dpi, 600 x 400 dpi In (màu): 600 x 600 dpi, 9,600 (tương đương) x 600 dpi (tùy thuộc chế độ của người dùng) In (trắng đen): 1,200 x 1,200 dpi, 600 x 600 dpi, 9,600 (tương đương) x 600 dpi (tùy thuộc chế độ của người dùng)
<b>Tăng màu</b>	Tương đương đến 256 mức
<b>Phạm vi thu phóng</b>	25% đến 400% (25% đến 200% với RSPF) tăng từng 1%
<b>Mức thu phóng đặt sẵn</b>	Hệ mét: 10 ratios (5R/5E), Hệ inch: 8 ratios (4R/4E)

Scan	
<b>Phương thức scan</b>	Scan đẩy (bằng màn hình điều khiển) Scan kéo (bằng ứng dụng TWIN)
<b>Tốc độ scan<sup>*8</sup> (màu &amp; trắng đen)</b>	Một mặt: Tối đa 120 bản/phút Hai mặt: Tối đa 240 trang/phút
<b>Độ phân giải</b>	Scan đẩy: 100, 150, 200, 300, 400, 600 dpi Scan kéo: 75, 100, 150, 200, 300, 400, 600 dpi 50 dpi đến 9,600 dpi (người dùng cài đặt <sup>*9</sup> )
<b>Định dạng</b>	TIFF, PDF, PDF/A-1a, PDF/A-1b, encrypted PDF, XPS, compact PDF <sup>*10</sup> , JPEG <sup>*10</sup> , searchable PDF, OOXML (pptx, xlsx, docx), text (TXT [UTF-8]), rich text (RTF)
<b>Điểm đến</b>	E-mail/desktop <sup>*11</sup> /FTP server/network folder (SMB)/ USB drive/local drive

Lưu trữ tài liệu	
<b>Dung lượng<sup>*12</sup></b>	Thư mục chính, tùy chọn: 35,000 trang hoặc 5,000 tập tin Thư mục nhanh: 10,000 trang hoặc 1,000 tập tin
<b>Công việc lưu trữ<sup>*13</sup></b>	Copy, print, scan, fax
<b>Thư mục lưu trữ</b>	Thư mục chính, nhanh và tùy chọn (Tối đa 1,000 thư mục)

## CẤU TẠO MÁY



- MX-PN13A/B/C/D** Punch Module (for MX-FN21/FN22)
- MX-AMX1** Application Integration Module
- MX-PN16B/C/D** Punch Module (for MX-FN34/FN35)
- MX-AMX2** Application Communication Module
- MX-TM10** Trimming Module (for MX-FN22)
- MX-AMX3** External Account Module
- MX-PF10** Barcode Font Kit
- MX-EB18<sup>\*5</sup>** Wireless LAN Adaptor
- MX-FX15** Fax Expansion Kit
- MX-FR65U** Data Security Kit
- MX-FWX1** Internet Fax Expansion Kit

<sup>\*1</sup>: Bấm kim 65 tờ; Giấy A4 80 g/m<sup>2</sup>  
<sup>\*2</sup>: Bấm kim 100 tờ; Giấy A4 80 g/m<sup>2</sup>  
<sup>\*3</sup>: Cấu hình tối thiểu bắt buộc  
<sup>\*4</sup>: Không thể sử dụng với MX-RB14, MX-LC13 N và MX-MF11.  
<sup>\*5</sup>: Ở một số quốc gia/khu vực, mạng LAN không dây được trang bị tiêu chuẩn (không phải tùy chọn) trên máy chính.  
Một số thiết bị tùy chọn có thể không có sẵn ở 1 số khu vực

In	
<b>Độ phân giải</b>	1,200 x 1,200, 600 x 600 dpi, 9,600 (tương đương) x 600 dpi
<b>Giao diện</b>	USB 2.0 (host, high-speed), 10Base-T/100Base-TX/100Base-T, wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n) <sup>*14</sup>
<b>Hệ điều hành tương thích</b>	Windows Server 2012, 2012 R2, 2016, 2019, 2022 Windows 8.1, 10, 11; Mac OS 10.9, 10.10, 10.11, 10.12, 10.13, 10.14, 10.15, 11, 12
<b>Giao thức mạng</b>	TCP/IP
<b>Giao thức in</b>	LPR, Raw TCP (port 9100), POP3 (e-mail printing), HTTP, FTP for downloading print files, IPP, SMB, WSD
<b>PDL</b>	PCL 6 emulation, Adobe PostScript 3
<b>Phông chữ</b>	80 fonts for PCL, 139 fonts for Adobe PostScript 3

In	
<b>Loại</b>	Embedded server
<b>Phần mềm hệ thống</b>	Fiery FS400
<b>Hệ điều hành   CPU</b>	Linux   Intel® Pentium® G4400, 3.3 GHz
<b>Bộ nhớ</b>	4 GB RAM 500 GB HDD
<b>Độ phân giải</b>	1,200 x 1,200 dpi, 600 x 600 dpi (PS, PCL)
<b>Hệ điều hành hỗ trợ</b>	Windows Server 2012, 2012 R2, 2016, 2019, 2022, Windows 8.1, 10, 11; Mac OS 10.11, 10.12, 10.13, 10.14, 10.15, 11, 12
<b>Giao thức mạng</b>	TCP/IP, LDAP, iPrint thru LPR
<b>Giao diện</b>	Gigabit Ethernet
<b>Giao thức in   PDL</b>	LPD, PAP, SMB, port 9100, IPP 1.1, FTP printing, e-mail print, WSD   Adobe PostScript 3
<b>Phông chữ có sẵn</b>	138 fonts for Adobe PostScript 3
<b>Nguồn điện yêu cầu</b>	AC 100 V to 240 V, 50/60 HZ
<b>Công suất tiêu thụ</b>	Tối đa 0.15 kW
<b>Kích thước (R x S x C)</b>	271.5 x 296.9 x 89.4 mm
<b>Trọng lượng (xấp xỉ)</b>	5.6 kg (12.3 lbs)

## Fax (yêu cầu gắn thêm tùy chọn MX-FX15)

<b>Phương thức nén</b>	MH/MR/MMR/JBIG
<b>Giao thức truyền thông</b>	Super G3/G3
<b>Thời gian truyền</b>	Ít hơn 3 giây <sup>*15</sup>
<b>Tốc độ modem</b>	33,600 bps đến 2,400 bps với tính năng automatic fallback
<b>Độ phân giải</b>	Tiêu chuẩn (203.2 x 97.8 dpi) đến Ultra Fine (406.4 x 391 dpi)
<b>Khổ giấy</b>	A3 đến A5 (11" x 17" to 5 1/2" x 8 1/2")
<b>Bộ nhớ</b>	1 GB (built-in)
<b>Mức độ thang xám</b>	Tương đương 256 mức

<sup>\*1</sup>: Nạp giấy chiều dọc. <sup>\*2</sup>: Nạp giấy chiều ngang có thể sử dụng với A5 (1/2" x 8 1/2"). <sup>\*3</sup>: Trong điều kiện đo đặc chuẩn, thời gian tùy thuộc vào môi trường vận hành thực tế. <sup>\*4</sup>: Khởi động nguồn thông qua công tác nguồn. 66 giây khi bắt đầu khởi động nguồn chính. <sup>\*5</sup>: Dung lượng HDD tùy thuộc vào tình trạng mua và tìm nguồn cung ứng. <sup>\*6</sup>: Bao gồm bộ điều chỉnh và phần nhô ra. <sup>\*7</sup>: Nạp giấy khổ A4 (8 1/2" x 11") theo chiều dọc từ khay giấy thứ 2, sử dụng kính tài liệu, không có chế độ Chọn màu tự động và Chế độ màu tự động, MF ở trạng thái sẵn sàng hoàn toàn. Có thể thay đổi tùy theo điều kiện vận hành và môi trường. <sup>\*8</sup>: Dựa trên biểu đồ chuẩn A4 của Sharp, sử dụng bộ nạp tài liệu, nạp giấy chiều dọc và cài đặt mặc định của nhà sản xuất. Tốc độ quét sẽ thay đổi tùy theo loại tài liệu và cài đặt quét. <sup>\*9</sup>: Độ phân giải sẽ thay đổi tùy theo kích thước của vùng được quét. <sup>\*10</sup>: Chỉ màu/thang độ xám. <sup>\*11</sup>: Yêu cầu Network Scanner Tool Lite. <sup>\*12</sup>: Dung lượng lưu trữ sẽ thay đổi tùy theo loại tài liệu và cài đặt quét. <sup>\*13</sup>: Một số tính năng yêu cầu thiết bị tùy chọn. <sup>\*14</sup>: Ở một số quốc gia/khu vực, cần có MX-EB18 tùy chọn. Tính khả dụng của tùy chọn này tùy theo quốc gia/khu vực. <sup>\*15</sup>: Dựa trên biểu đồ chuẩn của Sharp với khoảng 700 ký tự (A4 hoặc 8 1/2" x 11" nạp chiều dọc) ở độ phân giải tiêu chuẩn trong chế độ Super G3, 33.600 bps, nén JBIG.

Electronics for Imaging, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc một số quốc gia khác. Microsoft, Windows và Windows Server là các nhãn hiệu của tập đoàn Microsoft. Gmail là nhãn hiệu của Google LLC. Mac là nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. PCL là nhãn hiệu đã đăng ký của Hewlett-Packard Company. Adobe và PostScript là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Intel và Pentium là các nhãn hiệu của Intel Corporation hoặc các công ty con của Intel tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Qualcomm DirectOffice là sản phẩm của Qualcomm Technologies, Inc. và/hoặc các công ty con của Qualcomm. Qualcomm là nhãn hiệu của Qualcomm Incorporated, đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. DirectOffice là nhãn hiệu của CSR Imaging US, LP, đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Tất cả các tên thương hiệu và tên sản phẩm khác có thể là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

<sup>\*</sup>Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ nhân viên kinh doanh để biết thêm thông tin chi tiết.



SHARP ELECTRONICS (VIETNAM) COMPANY LIMITED.  
T5-B03.07 & T5-B03.09, Tầng 3 Masteri Thảo Điền,  
159 Võ Nguyên Giáp, Phường Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh  
Website: vn.sharp Hotline: 1-800-1594  
Service email: sbs-service@svn.sharp-world.com

Scan QR  
để kết nối  
Zalo OA

